TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B, TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **33**/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 06/7/2020
"V/v ly hôn giữa chị V và anh T"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Lương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Đặng Hoàng Mích;

2/ Ông Đỗ Tấn Thọ;

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Phạm Long Hồ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thảo Loan – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số: 605/2019/TLST–HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2019 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2020/QĐXXST-HN ngày 20 tháng 4 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 29/2020/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Chị **Nguyễn Thị Thanh V**, sinh năm 1981 (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp X, xã S, thành phố T, tỉnh Bến Tre.

Chị Nguyễn Thị Thanh V có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

**** Bị đơn:*** Anh **Nguyễn Ngọc T**, sinh năm 1977 (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp G, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và những lời trình bày tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh V trình bày như sau:*

Chị và anh T kết hôn với nhau vào năm 2015 trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre. Quá trình chung sống đến tháng 11/2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T thường xuyên rượu chè, không lo làm ăn, quan tâm đời sống vợ chồng, thường xuyên cãi nhau nên chị và anh T ly thân nhau từ tháng 7/2017 đến nay. Nay, chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc T.

- Về con chung: Quá trình chung sống, chị và anh T có 01 con chung tên Nguyễn Phát Đ, sinh ngày 09/7/2017. Khi ly hôn, chị V yêu cầu nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

** Anh Nguyễn Ngọc T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không có lời khai.*

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Đối với Thẩm phán có chấp hành tốt theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, thực hiện đúng các nguyên tắc do pháp luật quy định. Đối với những người tham gia tố tụng thì nguyên đơn có chấp hành tốt, riêng bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt là vi phạm nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại khoản 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Thanh V đối với anh Nguyễn Ngọc T.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thanh V được nuôi con chung tên Nguyễn Phát Đ, sinh ngày 09/7/2017. Ghi nhận sự tự nguyện chị V không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung; nợ chung: Chị Nguyễn Thị Thanh V khai không có, nên không xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Ngọc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để xét xử, nhưng anh vẫn vắng mặt không có lý do. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt phù hợp với quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành thủ tục xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng là phù hợp quy định tại Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh V và anh Nguyễn Ngọc T chung sống với nhau trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa chị V và anh T được công nhận là hợp pháp. Quá trình chung sống đến tháng 11/2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T không lo làm ăn, không chăm lo cho gia đình, không quan tâm đời sống vợ chồng nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau và cũng từ đó anh chị sống ly thân từ tháng 7/2017 cho đến nay. Từ lúc ly thân đến nay mỗi người đều có cuộc sống độc lập, không ai quan tâm đến ai. Tòa án đã nhiều lần mời anh T để tổ chức hòa giải cho các bên có cơ hội hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh T vẫn vắng mặt không lý do, cho thấy anh T đã bỏ mặt không quan tâm đối với mối quan hệ hôn nhân với chị V. Điều đó, chứng tỏ hôn nhân giữa chị V và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên chị V yêu cầu ly hôn với anh T là có căn cứ, phù hợp với Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị V khai, quá trình chung chung sống chị và anh T có 01 con chung tên Nguyễn Phát Đ, sinh ngày 09/7/2017, hiện tại con chung đang sống với chị V. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy: Từ lúc ly thân đến nay con chung sống với chị V, được chị chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục tốt. Do đó, nhằm ổn định về tinh thần, quyền lợi về mọi mặt của con chung nên để chị V được tiếp tục nuôi con chung là phù hợp với Điều

81 Luật hôn nhân và gia đình. Chị V là người trực tiếp nuôi con nhưng không yêu cầu cấp dưỡng nuôi nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản chung; nợ chung: Chị Nguyễn Thị Thanh V khai không có nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Nguyễn Thị Thanh V phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147, 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự ; Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Thanh V đối với anh Nguyễn Ngọc T.

2. Về nuôi con chung:

Giao con chung Nguyễn Phát Đ, sinh ngày 09/7/2017 cho chị Nguyễn Thị Thanh V trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện chị Nguyễn Thị Thanh V không yêu cầu anh Nguyễn Ngọc T cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Ngọc T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Chị Nguyễn Thị Thanh V trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Nguyễn Ngọc T trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và quyết định việc thay đổi yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền tự thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không xét đến.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thanh V phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị V đã nộp 300.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0007855 ngày 03 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B. Vậy, án phí chị Nguyễn Thị Thanh V nộp đủ.

Chị Nguyễn Thị Thanh V, anh Nguyễn Ngọc T vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre (Phòng KTNV&THA);
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Hữu Lương